

ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG  
TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN  
VÀ TRUYỀN THÔNG VIỆT – HÀN



**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
**NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH**

**Chuyên ngành:**

1. *Quản trị thương mại điện tử*
2. *Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số*
3. *Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số*
4. *Quản trị Tài chính số*
5. *Quản trị dự án CNTT*

**(Áp dụng cho khoá tuyển sinh 2024)**

**Cơ quan chủ trì:** TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ THÔNG TIN VÀ  
TRUYỀN THÔNG VIỆT HÀN, ĐẠI HỌC ĐÀ NẴNG

**Địa chỉ:** Khu đô thị Đại học Đà Nẵng,  
470 Đường Trần Đại Nghĩa, phường Hòa Quý, quận Ngũ  
Hành Sơn, TP. Đà Nẵng

**Điện thoại:** 0236 3667131

**Fax:** 0236 3667117

**Website:** <http://www.vku.udn.vn/>

*Đà Nẵng, năm 2024*

**CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO**  
(Ban hành theo Quyết định số .../QĐ-ĐHVH ngày .../.../2024 của Hiệu trưởng  
Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn)

**A. THÔNG TIN TỔNG QUÁT:**

|     |                                        |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                        |
|-----|----------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| 1.  | Tên chương trình đào tạo (tiếng Việt): | Quản trị kinh doanh <ul style="list-style-type: none"><li>▪ Quản trị thương mại điện tử</li><li>▪ Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số</li><li>▪ Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số</li><li>▪ Quản trị dự án CNTT</li><li>▪ Quản trị tài chính số</li></ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                     |
| 2.  | Tên chương trình đào tạo (tiếng Anh):  | Business Administration                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 3.  | Trình độ đào tạo:                      | Đại học                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 4.  | Mã ngành đào tạo:                      | 7340101                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 5.  | Đối tượng tuyển sinh:                  | Học sinh tốt nghiệp THPT                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                               |
| 6.  | Thời gian đào tạo:                     | 4 năm (8 học kỳ)                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
| 7.  | Loại hình đào tạo:                     | Chính quy                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |
| 8.  | Số tín chỉ yêu cầu:                    | 125                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
| 9.  | Thang điểm:                            | Thang điểm 4                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |
| 10. | Điều kiện tốt nghiệp:                  | <p>Sinh viên muốn tốt nghiệp phải đáp ứng các điều kiện sau:</p> <ol style="list-style-type: none"><li>1. Tích lũy đủ số học phần và khối lượng của chương trình đào tạo đạt 125 tín chỉ;</li><li>2. Điểm trung bình chung tích lũy của toàn khóa học đạt từ 2.0 trở lên;</li><li>3. Đạt chuẩn đầu ra về trình độ tiếng Anh và Tin học theo quy định chung của Nhà trường;<ul style="list-style-type: none"><li>- Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500.</li><li>- Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản theo thông tư 03/2014/TT-BTTTT của Bộ Thông tin và Truyền Thông.</li></ul></li><li>4. Có chứng chỉ Giáo dục Quốc phòng-An ninh và Giáo dục thể chất.</li></ol> |

|                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
|--------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--|
|                          |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      |  |
| 11. Văn bằng tốt nghiệp: | Cử nhân                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                              |  |
| 12. Vị trí việc làm:     | <p>Sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên thực hiện các công việc:</p> <p><b>* Quản trị Thương mại điện tử</b></p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Trợ lý thương mại điện tử.</li> <li>2. Nhân viên/chuyên viên thương mại điện tử.</li> <li>3. Chuyên viên tiếp thị thương mại điện tử.</li> <li>4. Nhân viên nội dung thương mại điện tử.</li> <li>5. Biên tập viên thương mại điện tử.</li> <li>6. Chuyên viên phân tích tiếp thị thương mại điện tử.</li> <li>7. Chuyên viên phân tích thương mại điện tử.</li> <li>8. Quản lý sản phẩm trực tuyến.</li> </ol> <p><b>* Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số</b></p> <p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ đảm nhận được các vị trí:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Nhân viên tác nghiệp, quản lý, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ, chuyên viên trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, vui chơi giải trí trong phạm vi quốc gia và quốc tế...</li> <li>- Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế.</li> <li>- Khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành.</li> </ul> <p><b>* Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số</b></p> <p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị logistics và chuỗi cung ứng số sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Làm việc và thăng tiến nghề nghiệp trong cơ quan quản lý Nhà nước về kinh doanh, các viện nghiên cứu, các cơ sở kinh doanh trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực Logistics &amp; Chuỗi cung ứng</li> <li>- Khởi nghiệp và thành đạt trong kinh doanh trong lĩnh vực Logistics &amp; chuỗi cung ứng</li> <li>- Chuyên viên bộ phận dịch vụ và quản lý, giải pháp công nghệ Logistics và chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, sản xuất, vận hành; triển khai và quản lý các dự án sản xuất kinh doanh phức hợp trong lĩnh vực dịch vụ Logistics.</li> </ul> |  |

|                                    |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                            |
|------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|                                    | <p>- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh hay chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo.</p> <p><b>* Quản trị tài chính số</b></p> <p>Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị tài chính số sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>- Chuyên viên tại các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý các dự án công nghệ tại các tổ chức tài chính.</li> <li>- Chuyên viên bộ phận phát triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm và chứng khoán.</li> <li>- Chuyên viên bộ phận phát triển sản phẩm dịch vụ tại các công ty khởi nghiệp tài chính số, hoặc tự thành lập doanh nghiệp tài chính số cho bản thân.</li> <li>- Chuyên viên quản lý phát triển kinh tế số, công nghệ tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước như ngân hàng nhà nước, Sở tài chính, Sở KH-CN và các cơ quan ban ngành khác.</li> </ul> <p><b>* Quản trị Dự án CNTT</b></p> <p>Sinh viên tốt nghiệp từ chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin có thể làm các công việc:</p> <ol style="list-style-type: none"> <li>1. Chuyên viên quản lý dự án Công nghệ thông tin.</li> <li>2. Chuyên viên thẩm định dự án Công nghệ thông tin.</li> <li>3. Giám sát nghiệm thu dự án Công nghệ thông tin.</li> <li>4. Chuyên viên thiết kế, tư vấn thực hiện các công việc liên quan đến dự án Công nghệ thông tin.</li> <li>5. Giám đốc/Quản lý dự án Công nghệ thông tin</li> </ol> <p>Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về Quản trị dự án Công nghệ thông tin.</p> |
| 13. Khả năng nâng cao trình độ:    | <p>Sinh viên theo học Ngành Quản trị kinh doanh được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn ở các trường trong và ngoài nước</p>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
| 14. Chương trình đào tạo đối sánh: | <p>Để xây dựng chương trình này, tổ soạn thảo đã tham khảo các chương trình đào tạo của các trường đại học trong và ngoài nước sau:</p> <p><b>* Quản trị Thương Mại điện tử</b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử, Trường Đại học Thương Mại</li> </ul>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                           |

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                    |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử, trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng</li> <li>▪ Chương trình đào tạo ngành Thương mại điện tử, trường Đại học Ngoại Thương.</li> <li>▪ Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử, trường Đại học Monash, Australia<br/><a href="https://www.monash.edu/study/courses/find-a-course/2023/commerce-b2001">https://www.monash.edu/study/courses/find-a-course/2023/commerce-b2001</a></li> <li>▪ Chương trình đào tạo cử nhân Thương mại điện tử, trường Đại học Melbourne, Australia<br/><a href="https://study.unimelb.edu.au/find/courses/undergraduate/bachelor-of-commerce/">https://study.unimelb.edu.au/find/courses/undergraduate/bachelor-of-commerce/</a></li> </ul> <p><b>* <i>Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Trường Đại học RMIT<br/><a href="https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit">https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit</a></li> <li>▪ Bournemouth University, 2019, BA (Hons) Tourism Management.<br/><a href="https://intranetsp.bournemouth.ac.uk/progspecs/ba-tourism-management.pdf">https://intranetsp.bournemouth.ac.uk/progspecs/ba-tourism-management.pdf</a></li> <li>▪ Prince of Songkla University, Phuket Campus, 2020, prospectus bachelor of business administration program in tourism management.</li> <li>▪ <a href="http://www.fht.psu.ac.th/fht/images/files/BBA/Prospectus_TRM%202563_1-05%2019.pdf">http://www.fht.psu.ac.th/fht/images/files/BBA/Prospectus_TRM%202563_1-05 2019.pdf</a></li> <li>▪ University of Surrey, 2020, International Tourism Management. <a href="https://catalogue.surrey.ac.uk/2020-1/programme/UKA10-7">https://catalogue.surrey.ac.uk/2020-1/programme/UKA10-7</a></li> <li>▪ Trường Đại học Kinh tế Quốc dân, 2019, chương trình đào tạo ngành Quản trị Dịch vụ Du lịch và Lữ hành.<br/><a href="https://dulichkhachsanhneu.edu.vn/vi/thong-bao-3615/ban-mo-ta-chuong-trinh-daotao-trinh-do-dai-hoc-nganh-qtdv-du-lich-va-lu-hanh">tps://dulichkhachsanhneu.edu.vn/vi/thong-bao-3615/ban-mo-ta-chuong-trinh-daotao-trinh-do-dai-hoc-nganh-qtdv-du-lich-va-lu-hanh</a></li> </ul> <p><b>* <i>Quản trị Logistics và chuỗi cung ứng số</i></b></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ City University of Hong Kong, Hong Kong<br/><a href="http://www.cityu.edu.hk/seem/prg-bengeltm.htm">http://www.cityu.edu.hk/seem/prg-bengeltm.htm</a></li> <li>▪ University of Greenwich, United Kingdom<br/><a href="https://www.yumpu.com/en/document/read/21745425/e-logistics-and-supply-chain-management-university-of-greenwich">https://www.yumpu.com/en/document/read/21745425/e-logistics-and-supply-chain-management-university-of-greenwich</a></li> <li>▪ RMIT University, Australia.<br/><a href="https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/undergraduate-programs/bachelor-business-logistics-supply-chain-management#program-structure">https://www.rmit.edu.vn/study-at-rmit/undergraduate-programs/bachelor-business-logistics-supply-chain-management#program-structure</a></li> <li>▪ Izmir University of Economics, Turkey<br/><a href="https://dmlm.ieu.edu.tr/en/syllabus/type/read/id/LOG+470">https://dmlm.ieu.edu.tr/en/syllabus/type/read/id/LOG+470</a></li> <li>▪ University of Michigan, United States</li> </ul> |
|--|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

|  |                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
|  | <p><a href="http://catalog.umd.umich.edu/undergraduate/college-business/supply-chain-management/#coursestext">http://catalog.umd.umich.edu/undergraduate/college-business/supply-chain-management/#coursestext</a></p> <p><b>* Quản trị tài chính số</b></p> <p>* Trong nước:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Trường Đại học Kinh tế Quốc Dân Hà Nội: <a href="https://fintech.neu.edu.vn/vi/gioi-thieu">https://fintech.neu.edu.vn/vi/gioi-thieu</a></li> <li>▪ Học Viện Bưu chính Viễn Thông : <a href="https://daotao.ptit.edu.vn/nganhhoc/7340208">https://daotao.ptit.edu.vn/nganhhoc/7340208</a></li> <li>▪ Trường Đại học Kinh tế - Luật, Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh: <a href="https://fb.uel.edu.vn/ArticleId/e57d9a46-31b8-49dd-b2ec-f6c566c1abf0/">https://fb.uel.edu.vn/ArticleId/e57d9a46-31b8-49dd-b2ec-f6c566c1abf0/</a></li> <li>▪ Trường Đại học Kinh tế, Đại học Đà Nẵng. Chương trình đào tạo chuyên ngành Quản trị tài chính, Ngành Quản trị kinh doanh</li> </ul> <p>* Nước ngoài:</p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Bachelor of Science in Financial Technology, Martin Tuchman School of Management: <a href="https://management.njit.edu/">https://management.njit.edu/</a></li> <li>▪ University of North Georgia: <a href="https://ung.edu/degrees/minor/fintech.php">https://ung.edu/degrees/minor/fintech.php</a></li> <li>▪ The University of HongKong: Bachelor of Arts and Sciences in Financial Technology: <a href="https://admissions.hku.hk/programmes/undergraduate-programmes/bachelor-of-arts-and-sciences-financial-technology">https://admissions.hku.hk/programmes/undergraduate-programmes/bachelor-of-arts-and-sciences-financial-technology</a></li> </ul> <p><b>* Quản trị dự án CNTT</b></p> <p>Quản lý dự án đại học kinh tế Quốc dân Hà Nội<br/> <a href="https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy-cho-khoa-62">https://daotao.neu.edu.vn/vi/ctdt-he-chinh-quy/chuong-trinh-dao-tao-he-dai-hoc-chinh-quy-cho-khoa-62</a></p> <ul style="list-style-type: none"> <li>▪ Trường đại học Davenport, Mỹ, chuyên ngành Quản trị dự án Công nghệ.<br/> <a href="https://www.davenport.edu/academics/areas/technology/bachelors-technology-project-management">https://www.davenport.edu/academics/areas/technology/bachelors-technology-project-management</a></li> </ul> |
|--|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|

## B. TRIẾT LÝ GIÁO DỤC, TÂM NHÌN VÀ SỨ MẠNG

### I. Triết lý giáo dục

#### “Nhân bản - Phụng sự - Khai phóng”

*Nhân bản:* Nhân là người, bản là gốc. Nhân là cái gốc của đạo làm người. Nhân bản là những đức tính chính yếu của một con người. Từ lúc sinh ra, bản chất con người chính là sự lương thiện. Giáo dục nhân bản hướng đến con người trưởng thành lương thiện, đạo đức trong xã hội và nghề nghiệp.

*Phụng sự:* Từ tâm hết lòng hết sức phục vụ. Ở đây là phụng sự cho sự nghiệp giáo dục, đào tạo; cho sự phát triển và hạnh phúc của con người, tổ quốc và nhân loại.

**Khai phóng:** Khai minh và Giải phóng. Khai Minh là thu nạp kiến thức để mở mang hiểu biết, phá vỡ những hiểu biết sai lầm và dung nạp kiến thức mới. Khai minh cũng có nghĩa là khai mở sự sáng hoặc chiếu ánh sáng vào những nơi còn mù mờ. Giáo dục khai phóng (Liberal Education) là một nền giáo dục giải phóng trí tuệ con người để theo đuổi những chân lý mà không bị phủ mờ bởi giáo điều, ý thức hệ hay những định kiến. Người được giáo dục một cách khai phóng có tư duy độc lập, tư duy rộng và mở, và không dễ bị lũng đoạn, không dễ thành kiến hay định kiến.

## **II. Tầm nhìn**

Trở thành trường đại học định hướng ứng dụng hàng đầu của cả nước về công nghệ thông tin, truyền thông, kinh tế số và các lĩnh vực liên quan theo mô hình quản trị tiên tiến, trường học thông minh, hiện đại.

## **III. Sứ mạng**

Chuyên đào tạo và cung cấp nguồn nhân lực chất lượng cao nhằm đáp ứng nhu cầu của thị trường lao động và phục vụ cộng đồng; nghiên cứu khoa học; chuyển giao tri thức và công nghệ về kinh tế số và các lĩnh vực liên quan nhằm phục vụ phát triển bền vững kinh tế - xã hội của địa phương, quốc gia và quốc tế.

## **C. MỤC TIÊU VÀ CHUẨN ĐẦU RA CỦA CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO (PO và PLO)**

### **I. Mục tiêu của chương trình đào tạo (POs)**

#### **1. Mục tiêu chung**

Đào tạo cử nhân ngành Quản trị kinh doanh có phẩm chất chính trị, đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp và ý thức phục vụ cộng đồng; có kiến thức, kỹ năng thực hành nghề nghiệp và năng lực nghiên cứu tương xứng với trình độ đào tạo; có sức khỏe, đáp ứng tốt nhu cầu lao động trong thời kỳ hội nhập quốc tế và cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư.

#### **2. Mục tiêu cụ thể**

Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng đào tạo những cử nhân ngành Quản trị kinh doanh:

PO1: Có đạo đức tốt để làm việc và có ích cho cộng đồng.

PO2: Có kiến thức cơ bản về khoa học tự nhiên, khoa học xã hội, kiến thức toàn diện và chuyên sâu về quản lý hoạt động kinh doanh như marketing, thương mại điện tử, tài chính và khởi nghiệp trong bối cảnh nền kinh tế số.

PO3: Có khả năng làm việc độc lập, sáng tạo và ứng dụng công nghệ thông tin, ngoại ngữ để giải quyết các yêu cầu xử lý, cung cấp thông tin và ra quyết định trong lĩnh vực Quản trị kinh doanh.

**PO4A (QT TMDT):** Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Thương mại điện tử, nắm vững nghiệp vụ quản lý, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin phục vụ phát triển nghề nghiệp.

**PO4B (Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số):** Có khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ cơ bản trong các đơn vị kinh doanh dịch vụ du lịch, cơ quan quản lý nhà nước về du lịch & các đơn vị dịch vụ khác; xây dựng và thực hiện các chiến lược marketing du lịch, phát triển tuyến điểm du lịch, quản trị điểm đến, quản lý dịch vụ du lịch hiệu quả trên nền tảng số.

**PO4C (Quản trị E-logistics và chuỗi cung ứng số):** Có khả năng thực hiện, quản lý, điều hành và giám sát các nghiệp vụ chuyên sâu trong hoạt động Logistics và Quản lý chuỗi cung ứng; Phát triển năng lực khởi nghiệp & đổi mới sáng tạo, khả năng sử dụng ngoại ngữ và ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các vấn đề về chuyên môn và xã hội.

**PO4D (Quản trị dự án CNTT):** Có kiến thức chuyên sâu trong lĩnh vực Quản trị dự án Công nghệ thông tin, nắm vững nghiệp vụ quản lý, kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin phục vụ phát triển nghề nghiệp.

**PO4E (Quản trị tài chính số):** Có kiến thức chuyên sâu về tài chính, công nghệ tài chính; có khả năng sử dụng thành thạo các công cụ tài chính, ứng dụng công nghệ thông tin để giải quyết các tình huống kinh doanh cụ thể cũng như ứng dụng các công nghệ blockchain, dữ liệu lớn, trí tuệ nhân tạo...có thể đổi mới trong hoạt động tài chính trong bối cảnh nền kinh tế số.

## **II. Chuẩn đầu ra của chương trình đào tạo (PLO)**

Sinh viên tốt nghiệp ngành Quản trị kinh doanh của Trường Đại học Công nghệ Thông tin và Truyền thông Việt - Hàn, Đại học Đà Nẵng:

### **PLO1: Có ý thức đạo đức, trách nhiệm nghề nghiệp.**

PI1.1. Thể hiện ý thức đạo đức nghề nghiệp.

PI1.2. Thể hiện các quy định pháp luật trong kinh doanh.

PI1.3. Có trách nhiệm nghề nghiệp.

### **PLO2: Vận dụng kiến thức trong lĩnh vực kinh tế, chính trị, xã hội, pháp luật và quản trị kinh doanh để đánh giá những thay đổi của môi trường và giải quyết các vấn đề phát sinh trong lĩnh vực quản trị kinh doanh.**

PI2.1. Diễn giải các nguyên lý cơ bản, các quy luật tự nhiên, xã hội và chính trị, kinh tế và quản lý.

PI2.2. Phân tích các tình huống nảy sinh khi vận hành các doanh nghiệp và Đề xuất các giải pháp xử lý.

### **PLO3: Phát triển tư duy sáng tạo, tinh thần khởi nghiệp, kỹ năng mềm và có năng lực học tập suốt đời.**

PI3.1. Đề xuất ý tưởng khởi nghiệp có tính khả thi

PI3.2. Áp dụng kỹ năng mềm bao gồm kỹ năng làm việc nhóm, kỹ năng thuyết trình, kỹ năng giải quyết vấn đề, kỹ năng quản lý thời gian 1 cách hiệu quả trong công việc

PI3.3. Phát triển năng lực học tập suốt đời.

**PLO4: Có khả năng sử dụng Tiếng Anh tốt trong lĩnh vực kinh doanh.**

PI4.1. Đạt năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. Trường hợp sinh viên có chứng chỉ tiếng Anh quốc tế Toeic, yêu cầu tối thiểu 500.

PI4.2: Diễn giải tài liệu chuyên ngành.

PI4.3: Giao tiếp, làm việc và xử lý thành thạo các tình huống kinh doanh trong môi trường quốc tế bằng ngôn ngữ tiếng Anh

**PLO5: Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản và sử dụng hiệu quả các phần mềm đồ họa ứng dụng, công cụ thống kê để phục vụ hoạt động kinh doanh;**

PI5.1. Đạt chuẩn kỹ năng sử dụng Công nghệ thông tin cơ bản.

PI5.2. Thiết kế được các ấn phẩm và sử dụng thành thạo các công cụ thống kê phục vụ hoạt động kinh doanh

**\* Quản trị Thương mại điện tử**

**PLO6A: Vận dụng kiến thức pháp luật và các kiến thức chuyên sâu về thương mại điện tử để giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp;**

PI6.1A: Vận dụng kiến thức pháp luật khi điều hành doanh nghiệp trong môi trường kinh doanh điện tử.

PI6.2A: Giải quyết được những vấn đề phát sinh trong thực tiễn hoạt động của doanh nghiệp trên cơ sở vận dụng các kiến thức về thương mại điện tử.

**PLO7A: Vận dụng được các quy trình quản lý, kinh doanh; Thiết kế, vận hành và quản trị website thương mại điện tử và triển khai các hoạt động tác nghiệp trong thương mại điện tử**

PI7.1A: Vận dụng được các quy trình quản lý, kinh doanh trong Thương mại điện tử.

PI7.2A: Có khả năng thiết kế, vận hành và quản trị website thương mại điện tử;

PI7.3A: Xây dựng và triển khai các hoạt động tác nghiệp trong thương mại điện tử.

**\* Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số**

**PLO6B: Vận dụng kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử, kinh tế, các tuyến điểm du lịch để phân tích, đánh giá và hoạch định chiến lược kinh doanh du lịch và lữ hành.**

PI6.1B. Phân tích và đánh giá chiến lược kinh doanh du lịch và lữ hành.

PI6.2B. Có khả năng xây dựng tuyến điểm và tổ chức lãnh thổ du lịch trên cơ sở vận dụng các kiến thức về văn hóa, địa lý, lịch sử.

**PLO7B: Có khả năng lập kế hoạch, tổ chức, xây dựng và cung ứng các dịch vụ du lịch và lữ hành; nắm vững quy trình xây dựng và thiết kế sản phẩm tour, điều hành tour du lịch; tổ chức xúc tiến và bán sản phẩm du lịch trên nền tảng số.**

PI7.1B Có khả năng phân tích và đánh giá tâm lý, hành vi tiêu dùng của du khách trong kinh doanh dịch vụ du lịch trên nền tảng số.

PI7.2B Lập kế hoạch, xây dựng và tổ chức thực hiện các chương trình kinh doanh dịch vụ du lịch và lữ hành, thiết kế và điều hành tour du lịch.

PI7.3B Xây dựng và triển khai các hoạt động xúc tiến và bán sản phẩm du lịch trên nền tảng số.

**\* Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số**

**PLO6C: Có khả năng giải quyết vấn đề và đề xuất được ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng trên nền tảng số nhằm khai thác các nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh và xã hội.**

PI6.1C. Có khả năng giải quyết các vấn đề trong lĩnh vực Logistics và chuỗi cung ứng trên nền tảng số nhằm khai thác các nguồn lực trong sản xuất, kinh doanh và xã hội.

PI6.2C. Có khả năng phân tích, đánh giá, phản biện và đề xuất được ý tưởng kinh doanh trong lĩnh vực Logistics và Chuỗi Cung ứng trên nền tảng số.

**PLO7C: Có khả năng thực nghiệm, khai thác thông tin trong quản trị Logistics và vận hành chuỗi cung ứng trên nền tảng số; thực hiện các nghiệp vụ mua bán và thanh toán quốc tế.**

PI7.1C. Có khả năng điều tra, thực nghiệm và khai thác thông tin trong quản trị Logistics và vận hành chuỗi cung ứng trên nền tảng số.

PI7.2C. Có khả năng thực hiện các nghiệp vụ mua bán và thanh toán quốc tế.

**\* Đối với chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ Thông tin**

**PLO6D: Có khả năng lập và quản trị được dự án công nghệ thông tin, xây dựng được hồ sơ đấu thầu dự án.**

PI6.1D: Có khả năng lập được dự án đầu tư trong lĩnh vực công nghệ thông tin và xây dựng được hồ sơ đấu thầu dự án.

PI6.2D: Có khả năng quản trị được dự án công nghệ thông tin, bao gồm cả quản trị rủi ro và quản trị chất lượng.

**PLO7D: Có khả năng sử dụng được các công cụ thiết kế, phần mềm trong quản lý dự án công nghệ thông tin.**

**\* Quản trị Tài chính số (Fintech)**

**PLO6E Vận dụng được các kiến thức về tài chính, kế toán, ngoại hối, thanh toán quốc tế, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp; lập và phân tích được báo cáo tài chính.**

PI6.1E. Vận dụng được các nguyên tắc về tài chính, kế toán, ngoại hối, thanh toán quốc tế, công nghệ số trong hoạt động nghề nghiệp.

- PI6.2E. Có khả năng lập và phân tích được báo cáo tài chính.

▪ **PLO7E. Có khả năng sử dụng các công cụ để quản lý tài chính, các hoạt động rủi ro tài chính, các hoạt động đầu tư kinh doanh, thị trường tài chính; phân tích, đánh giá dữ liệu lớn trong tài chính.**

- PI7.1E. Có khả năng sử dụng các công cụ để quản lý tài chính, các hoạt động rủi ro tài chính, các hoạt động đầu tư kinh doanh, thị trường tài chính.

- PI7.2E. Có khả năng quản lý, phân tích, đánh giá dữ liệu lớn trong tài chính.

### **Ghi chú:**

- *PLO1, PLO2, PLO3, PLO4, PLO5 là dành cho ngành Quản trị kinh doanh,*
- *PLO6A, PLO7A dành cho chuyên ngành Quản Trị Thương Mại Điện Tử.*
- *PLO6B, PLO7B dành cho CN Quản Trị Du lịch và lữ hành số*
- *PLO6C, PLO7C dành cho CN Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số*
- *PLO6D, PLO7D dành cho chuyên ngành Quản trị Dự án CNTT*
- *PLO6E, PLO7E dành cho chuyên ngành Quản trị Tài chính số*

## **III. Cơ hội việc làm và khả năng học tập sau đại học**

### **1. Cơ hội việc làm**

#### **\* Quản trị Thương Mại Điện tử**

Sinh viên Ngành Quản trị kinh doanh \_chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử được đào tạo và chuẩn bị để có khả năng và cơ hội hoạt động như là những chuyên viên thực hiện các công việc:

1. Trợ lý thương mại điện tử.
2. Nhân viên/chuyên viên thương mại điện tử.
3. Chuyên viên tiếp thị thương mại điện tử.
4. Nhân viên nội dung thương mại điện tử.
5. Biên tập viên thương mại điện tử.
6. Chuyên viên phân tích tiếp thị thương mại điện tử.
7. Chuyên viên phân tích thương mại điện tử.
8. Quản lý sản phẩm trực tuyến.

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Thương mại điện tử còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về thương mại điện tử.

#### **\* Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành sẽ đảm nhận được các vị trí:

- Nhân viên tác nghiệp, quản lý, giám sát, điều hành ở các bộ phận trực tiếp cung ứng dịch vụ, chuyên viên trong các cơ sở kinh doanh dịch vụ du lịch, lữ hành, lưu trú, vui chơi giải trí trong phạm vi quốc gia và quốc tế...

- Chuyên viên các cơ quan quản lý nhà nước về du lịch và lữ hành, các tổ chức phi Chính phủ về Du lịch lữ hành, lưu trú du lịch trong phạm vi quốc gia và quốc tế.

- Khởi nghiệp kinh doanh trong lĩnh vực dịch vụ lữ hành.

#### **\* Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị logistics và chuỗi cung ứng sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:

- Làm việc và thăng tiến nghề nghiệp trong cơ quan quản lý Nhà nước về kinh doanh, các viện nghiên cứu, các cơ sở kinh doanh trong và ngoài nước liên quan đến lĩnh vực Logistics & Chuỗi cung ứng

- Khởi nghiệp trong kinh doanh trong lĩnh vực Logistics & chuỗi cung ứng

- Chuyên viên bộ phận dịch vụ và quản lý, giải pháp công nghệ Logistics và chuỗi cung ứng, các doanh nghiệp thương mại dịch vụ, sản xuất, vận hành; triển khai và quản lý các dự án sản xuất kinh doanh phức hợp trong lĩnh vực dịch vụ Logistics.

- Triển vọng trong tương lai có thể trở thành trưởng phòng, ban, giám đốc bộ phận, dự án, giám đốc kinh doanh hay chuyên gia phân tích, tư vấn, lãnh đạo.

#### **\* Quản trị tài chính số**

Sau khi tốt nghiệp, sinh viên chuyên ngành quản trị tài chính số sẽ đảm nhận được các vị trí công việc cụ thể sau:

- Chuyên viên tại các bộ phận quản lý hệ thống thông tin, quản trị phân tích dữ liệu, quản trị và phân tích rủi ro, quản lý các dự án công nghệ tại các tổ chức tài chính.

- Chuyên viên bộ phận phát triển công nghệ tài chính, phát triển sản phẩm dịch vụ tài chính tại các ngân hàng, công ty tài chính, công ty bảo hiểm và chứng khoán.

- Chuyên viên bộ phận phát triển sản phẩm dịch vụ tại các công ty khởi nghiệp tài chính số, hoặc tự thành lập doanh nghiệp tài chính số cho bản thân.

- Chuyên viên quản lý phát triển kinh tế số, công nghệ tài chính tại các cơ quan quản lý nhà nước như ngân hàng nhà nước, Sở tài chính, Sở KHCN và các cơ quan ban ngành khác.

#### **\* Quản trị Dự án CNTT**

Sinh viên tốt nghiệp từ chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin có thể làm các công việc:

- Chuyên viên quản lý dự án Công nghệ thông tin.

- Chuyên viên thẩm định dự án Công nghệ thông tin.

- Giám sát nghiệm thu dự án Công nghệ thông tin.

- Chuyên viên thiết kế, tư vấn thực hiện các công việc liên quan đến dự án Công nghệ thông tin.

- Giám đốc/Quản lý dự án Công nghệ thông tin

Ngoài ra, cử nhân chuyên ngành Quản trị Dự án Công nghệ thông tin còn có thể làm việc ở viện nghiên cứu, cơ sở đào tạo với vai trò chuyên viên, cán bộ giảng dạy về Quản trị dự án Công nghệ thông tin.

## **2. Khả năng học tập sau đại học**

Sinh viên theo học Ngành Quản trị kinh doanh được trang bị những kiến thức cần thiết để có thể tự khởi nghiệp cũng như theo học các bậc học cao hơn ở các trường trong và ngoài nước.

#### **IV. Ma trận quan hệ giữa mục tiêu đào tạo (PO), chuẩn đầu ra chương trình đào tạo (PLO) và các chỉ số đánh giá (PI)**

Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT ở bảng bên dưới cho thấy rằng sinh viên có thể đạt được mục tiêu của CTĐT nếu đáp ứng được các chuẩn đầu ra của CTĐT.

**Bảng 1. Mối liên hệ giữa mục tiêu và chuẩn đầu ra của CTĐT**

| <b>Mục tiêu của CTĐT (PO)</b> | <b>Chuẩn đầu ra của CTĐT (PLOs)</b> |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
|-------------------------------|-------------------------------------|---|---|---|---|----|----|----|----|----|----|----|----|----|----|
|                               | 1                                   | 2 | 3 | 4 | 5 | 6A | 7A | 6B | 7B | 6C | 7C | 6D | 7D | 6E | 7E |
| PO1                           | X                                   |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| PO2                           |                                     | X |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| PO3                           |                                     |   | X | X | X |    |    |    |    |    |    |    |    |    |    |
| PO4A                          |                                     |   |   |   |   | X  | X  |    |    |    |    |    |    |    |    |
| PO4B                          |                                     |   |   |   |   |    |    | X  | X  |    |    |    |    |    |    |
| PO4C                          |                                     |   |   |   |   |    |    |    |    | X  | X  |    |    |    |    |
| PO4D                          |                                     |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    | X  | X  |    |    |
| PO4E                          |                                     |   |   |   |   |    |    |    |    |    |    |    |    | X  | X  |

#### **V. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với khung trình độ quốc gia Việt Nam**

**Bảng 2. Chuẩn đầu ra theo Khung trình độ quốc gia Việt Nam bậc Đại học**

| <b>Kiến thức</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                             | <b>Kỹ năng</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                      | <b>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</b>                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                                       |
|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| KT1: Kiến thức thực tế vững chắc, kiến thức lý thuyết sâu, rộng trong phạm vi của ngành đào tạo.<br>KT2: Kiến thức cơ bản về khoa học xã hội, khoa học chính trị và pháp luật.<br>KT3: Kiến thức về công nghệ thông tin đáp ứng yêu cầu công việc.<br>KT4: Kiến thức về lập kế hoạch, tổ chức và giám sát các quá trình trong một lĩnh vực hoạt động cụ thể. | KN1: Kỹ năng cần thiết để có thể giải quyết các vấn đề phức tạp.<br>KN2: Kỹ năng dẫn dắt, khởi nghiệp, tạo việc làm cho mình và cho người khác.<br>KN3: Kỹ năng phản biện, phê phán và sử dụng các giải pháp thay thế trong điều kiện môi trường không xác định hoặc thay đổi.<br>KN4: Kỹ năng đánh giá chất lượng công việc sau khi hoàn thành và kết quả thực hiện của các thành viên trong nhóm.<br>KN5: Kỹ năng truyền đạt vấn đề và giải pháp tới người khác tại nơi làm việc; chuyển tải, phổ biến kiến thức, | TCTN1: Làm việc độc lập hoặc làm việc theo nhóm trong điều kiện làm việc thay đổi, chịu trách nhiệm cá nhân và trách nhiệm đối với nhóm.<br>TCTN2: Hướng dẫn, giám sát những người khác thực hiện nhiệm vụ xác định.<br>TCTN3: Tự định hướng, đưa ra kết luận chuyên môn và có thể bảo vệ được quan điểm cá nhân.<br>TCTN4: Lập kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải |

|                                                                   |                                                                                                                                                |                               |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|
| KT5: Kiến thức cơ bản về quản lý, điều hành hoạt động chuyên môn. | kỹ năng trong việc thực hiện những nhiệm vụ cụ thể hoặc phức tạp.<br>KN6: Có năng lực ngoại ngữ bậc 3/6 Khung năng lực ngoại ngữ của Việt Nam. | thiện hiệu quả các hoạt động. |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------|

**Bảng 3. Ma trận đối sánh chuẩn đầu ra CTĐT với Khung trình độ quốc gia Việt Nam**

| CDR theo<br>Khung<br>trình độ QG<br><br>Chuẩn đầu<br>ra CTĐT | Kiến thức |     |     |     |     | Kỹ năng |     |     |     |     |     | Năng lực tự chủ<br>và trách nhiệm |       |       |       |
|--------------------------------------------------------------|-----------|-----|-----|-----|-----|---------|-----|-----|-----|-----|-----|-----------------------------------|-------|-------|-------|
|                                                              | KT1       | KT2 | KT3 | KT4 | KT5 | KN1     | KN2 | KN3 | KN4 | KN5 | KN6 | TCTN1                             | TCTN2 | TCTN3 | TCTN4 |
| PLO 1                                                        |           |     |     |     |     |         |     |     |     |     |     |                                   |       | X     |       |
| PLO 2                                                        | X         | X   |     |     | X   | X       |     | X   |     |     |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 3                                                        |           |     |     |     |     |         | X   | X   | X   |     |     | X                                 | X     | X     |       |
| PLO 4                                                        |           |     |     |     |     |         |     |     |     |     | X   |                                   |       |       |       |
| PLO 5                                                        |           |     | X   |     |     |         |     |     |     |     |     |                                   |       |       |       |
| PLO 6a                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 7a                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 6b                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 7b                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 6b                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 7b                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 6c                                                       |           |     |     |     |     |         |     |     | X   | X   |     | X                                 | X     |       |       |
| PLO 7c                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 6d                                                       | X         |     | x   | X   | X   | X       |     | X   | X   |     |     | X                                 | X     | X     | X     |
| PLO 7d                                                       | X         | X   | X   | X   | X   | X       |     | x   | X   | X   |     | X                                 | X     | X     | X     |
| PLO 6e                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |
| PLO 7e                                                       |           |     |     | X   |     | X       |     | X   |     | X   |     |                                   |       | X     | X     |

## D. CẤU TRÚC VÀ KHUNG CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO

### I. Cấu trúc chương trình đào tạo

Cấu trúc CTĐT được chia thành 5 khối kiến thức, trong đó có các học phần bắt buộc và học phần tự chọn với số tín chỉ trong mỗi khối được cho trong Bảng 5.

**Bảng 5. Các khối kiến thức và số tín chỉ**

| Số TT      | Khối kiến thức                          | Số tín chỉ |            |           |
|------------|-----------------------------------------|------------|------------|-----------|
|            |                                         | Tổng       | Bắt buộc   | Tự chọn   |
| <b>I</b>   | <b>Khối kiến thức chung</b>             | <b>31</b>  | <b>31</b>  | <b>0</b>  |
| <b>II</b>  | <b>Khối kiến thức tăng cường</b>        | <b>8</b>   | <b>8</b>   | <b>0</b>  |
| <b>III</b> | <b>Khối kiến thức cơ sở ngành</b>       | <b>40</b>  | <b>40</b>  | <b>0</b>  |
|            | + Học phần bắt buộc                     | 31         | 31         | 0         |
|            | + Học phần tự chọn theo CN              | 9          | 0          | 9         |
| <b>IV</b>  | <b>Khối kiến thức chuyên ngành</b>      | <b>36</b>  | <b>26</b>  | <b>10</b> |
|            | + Khối kiến thức cơ sở                  | 16         | 12         | 4         |
|            | + Khối kiến thức chuyên sâu             | 20         | 14         | 6         |
| <b>V</b>   | <b>Thực tập và khóa luận tốt nghiệp</b> | <b>10</b>  | <b>10</b>  | <b>0</b>  |
|            | <b>Tổng</b>                             | <b>125</b> | <b>115</b> | <b>10</b> |

**Ghi chú:** Chương trình trên chưa bao gồm các học phần bắt buộc về Giáo dục thể chất, Giáo dục quốc phòng - An ninh và ngoại ngữ.

## II. Khung chương trình đào tạo

**Bảng 6. Khung chương trình đào tạo ngành Quản trị kinh doanh**

| STT | Mã học phần                       | Học phần                       | Số tín chỉ |       |          |      | Loại học phần |         | Ghi chú |
|-----|-----------------------------------|--------------------------------|------------|-------|----------|------|---------------|---------|---------|
|     |                                   |                                | LT         | TH/BT | Thực tập | Tổng | Bắt buộc      | Tự chọn |         |
| I   | KHỐI KIẾN THỨC GIÁO DỤC ĐẠI CƯƠNG |                                | 30         | 1     | 0        | 31   | 31            | 0       |         |
| 1   | DE1001                            | Tin học đại cương              | 2,5        | 0,5   | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 2   | SS1001                            | Triết học Mác-Lênin            | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 3   | SS1002                            | Kinh tế chính trị Mác-Lênin    | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 4   | SS1003                            | Chủ nghĩa xã hội khoa học      | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 5   | SS1004                            | Lịch sử Đảng Cộng sản Việt Nam | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 6   | SS1005                            | Tư tưởng Hồ Chí Minh           | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 7   | SS1006                            | Pháp luật đại cương            | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 8   | ENG-ELE1                          | Tiếng Anh 1                    | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 9   | ENG-ELE2                          | Tiếng Anh 2                    | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 10  | ENG-ELE3                          | Tiếng Anh 3                    | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 11  | DE1002                            | Khởi nghiệp & Đổi mới sáng tạo | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 12  | DE1003                            | Đạo đức trong kinh doanh       | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |

| STT          | Mã học phần                       | Học phần                     | Số tín chỉ |          |          |           | Loại học phần |          | Ghi chú |
|--------------|-----------------------------------|------------------------------|------------|----------|----------|-----------|---------------|----------|---------|
|              |                                   |                              | LT         | TH/BT    | Thực tập | Tổng      | Bắt buộc      | Tự chọn  |         |
| 13           | NS1013                            | Xác suất thống kê            | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 14           | DE1004                            | Nhập môn ngành & kỹ năng mềm | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
|              |                                   | <i>Giáo dục thể chất*</i>    |            | *4       |          | *4        |               |          |         |
|              |                                   | <i>Giáo dục Quốc phòng*</i>  |            | *8       |          | *8        |               |          |         |
| <b>II</b>    | <b>KHỐI KIẾN THỨC TĂNG CƯỜNG</b>  |                              | <b>7</b>   | <b>1</b> | <b>0</b> | <b>8</b>  | <b>8</b>      | <b>0</b> |         |
| 15           | DE2020                            | Tiếng Anh chuyên ngành 1     | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 16           | DE2021                            | Tiếng Anh chuyên ngành 2     | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 17           | FL2018                            | Tiếng Anh nâng cao 1         | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 18           | FL2019                            | Tiếng Anh nâng cao 2         | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 19           | FL2022                            | Tiếng Hàn 1                  | 2          | 0        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 20           | FL2023                            | Tiếng Hàn 2                  | 3          | 0        | 0        | 3         | 0             | 3        |         |
| <b>III</b>   | <b>KHỐI KIẾN THỨC CƠ SỞ NGÀNH</b> |                              |            |          |          | <b>40</b> | <b>31</b>     | <b>9</b> |         |
| <b>III.1</b> | <b>Học phần bắt buộc</b>          |                              | <b>29</b>  | <b>2</b> | <b>0</b> | <b>31</b> | <b>31</b>     | <b>0</b> |         |
| 21           | DE2003                            | Quản trị học                 | 3          | 0        | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 22           | DE2004                            | Kinh tế vĩ mô                | 3          | 0        | 0        | 3         | 3             | 0        |         |

| STT          | Mã học phần                                             | Học phần                    | Số tín chỉ |       |          |          | Loại học phần |          | Ghi chú |
|--------------|---------------------------------------------------------|-----------------------------|------------|-------|----------|----------|---------------|----------|---------|
|              |                                                         |                             | LT         | TH/BT | Thực tập | Tổng     | Bắt buộc      | Tự chọn  |         |
| 23           | DE2005                                                  | Kinh tế vi mô               | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 24           | DE2006                                                  | Marketing căn bản           | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 25           | DE2007                                                  | Luật kinh doanh             | 2          | 0     | 0        | 2        | 2             | 0        |         |
| 26           | DE2008                                                  | Thống kê kinh doanh         | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 27           | DE2009                                                  | Nguyên lý kế toán           | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 28           | DE2012                                                  | Quản trị nguồn nhân lực     | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 29           | DE2013                                                  | Hệ thống thông tin quản lý  | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 30           | NS1014                                                  | Toán ứng dụng trong kinh tế | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 31           | DE2015                                                  | Đề án 1                     | 0          | 1     | 0        | 1        | 1             | 0        |         |
| 32           | DE2016                                                  | Đề án 2                     | 0          | 1     | 0        | 1        | 1             | 0        |         |
| <b>III.1</b> | <b>Học phần tự chọn</b>                                 |                             |            |       |          | <b>9</b> | <b>0</b>      | <b>9</b> |         |
|              | <b>Quản trị Thương mại điện tử, Quản trị dự án CNTT</b> |                             | 8,5        | 0,5   | 0        | 9        | 9             | 0        |         |
| 33           | DE2001                                                  | Khởi sự kinh doanh          | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 34           | DE2002                                                  | Kinh doanh quốc tế          | 3          | 0     | 0        | 3        | 3             | 0        |         |
| 35           | DE2011                                                  | Kỹ thuật đồ họa ứng dụng    | 2,5        | 0,5   | 0        | 3        | 3             | 0        |         |

| STT                                                | Mã học phần                            | Học phần                         | Số tín chỉ |       |          |      | Loại học phần |         | Ghi chú |
|----------------------------------------------------|----------------------------------------|----------------------------------|------------|-------|----------|------|---------------|---------|---------|
|                                                    |                                        |                                  | LT         | TH/BT | Thực tập | Tổng | Bắt buộc      | Tự chọn |         |
|                                                    | Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành số |                                  | 9          | 0     | 0        | 9    | 9             | 0       |         |
| 36                                                 | DE2083                                 | Tổng quan về du lịch             | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 37                                                 | DE2084                                 | Văn hóa du lịch                  | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 38                                                 | DE2085                                 | Tuyến điểm du lịch Việt Nam      | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
|                                                    | Quản trị Logistics và Chuỗi ung ứng số |                                  | 9          | 0     | 0        | 9    | 9             | 0       |         |
| 39                                                 | DE2010                                 | Quản trị tài chính               | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 40                                                 | DE2001                                 | Khởi sự kinh doanh               | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 41                                                 | DE2002                                 | Kinh doanh quốc tế               | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
|                                                    | Quản trị tài chính số                  |                                  | 9          | 0     | 0        | 9    | 0             | 9       |         |
| 42                                                 | DE2220                                 | Thị trường và định chế tài chính | 3          | 0     | 0        | 3    | 0             | 3       |         |
| 43                                                 | DE2221                                 | Hệ thống thanh toán quốc tế      | 3          | 0     | 0        | 3    | 0             | 3       |         |
| 44                                                 | DE2222                                 | Tiền số và công nghệ Blockchain  | 3          | 0     | 0        | 3    | 0             | 3       |         |
| IV                                                 | KHỐI KIẾN THỨC CHUYÊN NGÀNH            |                                  |            |       |          | 36   | 26            | 10      |         |
| QUẢN TRỊ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT) |                                        |                                  | 27,5       | 8,5   | 0        | 36   | 26            | 10      |         |
| 4.1                                                | Kiến thức cơ sở chuyên ngành           |                                  | 13         | 3     | 0        | 16   | 12            | 4       |         |

| STT   | Mã học phần                                     | Học phần                               | Số tín chỉ |       |          |      | Loại học phần |         | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|------------|-------|----------|------|---------------|---------|---------|
|       |                                                 |                                        | LT         | TH/BT | Thực tập | Tổng | Bắt buộc      | Tự chọn |         |
| 4.1.1 | Học phần bắt buộc                               |                                        | 10         | 2     | 0        | 12   | 12            | 0       |         |
| 45    | DE2026                                          | Thương mại điện tử                     | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 46    | DE2033                                          | Thiết kế Website Thương mại điện tử 1  | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 47    | DE2024                                          | Digital Marketing                      | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 48    | DE2023                                          | Quản trị chuỗi cung ứng                | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 49    | DE2025                                          | Quản trị quan hệ khách hàng            | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 50    | DE2027                                          | Đề án 3_QT TMĐT                        | 0          | 1     | 0        | 1    | 1             | 0       |         |
| 4.1.2 | Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ) |                                        | 3          | 1     | 0        | 4    | 0             | 4       |         |
| 51    | DE2172                                          | Phát triển hệ thống Thương mại điện tử | 3          | 0     | 0        | 3    | 0             | 3       |         |
| 52    | DE2028                                          | Hành vi người tiêu dùng                | 3          | 0     | 0        | 3    | 0             | 3       |         |
| 53    | DE2029                                          | Truyền thông Marketing tích hợp cơ bản | 2          | 0     | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| 54    | DE2030                                          | Quản trị bán hàng                      | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| 55    | DE2022                                          | Phương pháp NCKH trong kinh doanh      | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 56    | DE2031                                          | Chuyên đề 1_QT TMĐT                    | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| 4.2   | Kiến thức chuyên ngành                          |                                        | 14,5       | 5,5   | 0        | 20   | 14            | 6       |         |

| STT                                                           | Mã học phần                                     | Học phần                               | Số tín chỉ |       |          |      | Loại học phần |         | Ghi chú |
|---------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------|----------------------------------------|------------|-------|----------|------|---------------|---------|---------|
|                                                               |                                                 |                                        | LT         | TH/BT | Thực tập | Tổng | Bắt buộc      | Tự chọn |         |
| 4.2.1                                                         | Học phần bắt buộc                               |                                        | 10         | 4     | 0        | 14   | 14            | 0       |         |
| 57                                                            | DE2034                                          | Thiết kế Website Thương mại điện tử 2  | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 58                                                            | DE2035                                          | Quản trị tác nghiệp thương mại điện tử | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 59                                                            | DE2041                                          | Chiến lược kinh doanh điện tử          | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 60                                                            | DE2036                                          | Quản trị thương hiệu                   | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 61                                                            | DE2032                                          | An toàn và bảo mật trong TMDT          | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 62                                                            | DE2037                                          | Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp      | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 63                                                            | DE2038                                          | Đề án 4_QT TMĐT                        | 0          | 1     | 0        | 1    | 1             | 0       |         |
| 64                                                            | DE2039                                          | Đề án 5_QT TMĐT                        | 0          | 1     | 0        | 1    | 1             | 0       |         |
| 4.2.2                                                         | Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 6 tín chỉ) |                                        | 4,5        | 1,5   | 0        | 6    | 0             | 6       |         |
| 65                                                            | DE2040                                          | Thanh toán điện tử                     | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| 66                                                            | DE2042                                          | Thương mại di động                     | 3          | 0     | 0        | 3    | 0             | 3       |         |
| 67                                                            | DE2067                                          | Quản trị cơ sở dữ liệu                 | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| 68                                                            | DE2044                                          | Chuyên đề 2_QT TMĐT                    | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| QUẢN TRỊ DỊCH VỤ DU LỊCH VÀ LỮ HÀNH SỐ (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT) |                                                 |                                        | 26         | 10    | 0        | 36   | 26            | 10      |         |

| STT          | Mã học phần                                                   | Học phần                                       | Số tín chỉ  |            |          |           | Loại học phần |          | Ghi chú |
|--------------|---------------------------------------------------------------|------------------------------------------------|-------------|------------|----------|-----------|---------------|----------|---------|
|              |                                                               |                                                | LT          | TH/BT      | Thực tập | Tổng      | Bắt buộc      | Tự chọn  |         |
| <b>4.1</b>   | <b><i>Kiến thức cơ sở chuyên ngành</i></b>                    |                                                | <b>16,5</b> | <b>3,5</b> | <b>0</b> | <b>20</b> | <b>16</b>     | <b>4</b> |         |
| <b>4.1.1</b> | <b><i>Học phần bắt buộc (compulsory course)</i></b>           |                                                | <b>14,5</b> | <b>1,5</b> | <b>0</b> | <b>16</b> | <b>16</b>     | <b>0</b> |         |
| 69           | DE2093                                                        | Quản trị kinh doanh lễ hành                    | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 70           | DE2095                                                        | Thiết kế, phát triển và điều hành tour du lịch | 2,5         | 0,5        | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 71           | DE2099                                                        | Hành vi tiêu dùng du lịch                      | 3           | 0          | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 72           | DE2088                                                        | Marketing du lịch                              | 3           | 0          | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 73           | DE2089                                                        | Xúc tiến du lịch                               | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 74           | DE2052                                                        | Thương mại điện tử cơ bản                      | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 75           | DE2087                                                        | Đề án 3_Tuyến điểm du lịch và Văn hoá du lịch  | 0           | 1          | 0        | 1         | 1             | 0        |         |
| <b>4.1.2</b> | <b><i>Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ)</i></b> |                                                | <b>2</b>    | <b>2</b>   | <b>0</b> | <b>4</b>  | <b>0</b>      | <b>4</b> |         |
| 76           | DE2171                                                        | Du lịch trực tuyến                             | 2           | 0          | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 77           | DE2179                                                        | Quản trị chiến lược trong du lịch và khách sạn | 3           | 0          | 0        | 3         | 0             | 3        |         |
| 78           | DE2022                                                        | Phương pháp NKCH trong kinh doanh              | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 79           | DE2091                                                        | Chuyên đề 1_Du lịch thông minh (Smart Tourism) | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |

| STT   | Mã học phần                                     | Học phần                            | Số tín chỉ |       |          |      | Loại học phần |         | Ghi chú |
|-------|-------------------------------------------------|-------------------------------------|------------|-------|----------|------|---------------|---------|---------|
|       |                                                 |                                     | LT         | TH/BT | Thực tập | Tổng | Bắt buộc      | Tự chọn |         |
| 4.2   | Kiến thức chuyên ngành                          |                                     | 9,5        | 6,5   | 0        | 16   | 10            | 6       |         |
| 4.2.1 | Học phần bắt buộc                               |                                     | 7,5        | 2,5   | 0        | 10   | 10            | 0       |         |
| 80    | DE2024                                          | Digital marketing                   | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 81    | DE2094                                          | Tổ chức sự kiện du lịch             | 3          | 0     | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 82    | DE2180                                          | Quản trị điểm đến du lịch           | 2,5        | 0,5   | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 83    | DE2096                                          | Đề án 4_QT DVDL&LHS                 | 0          | 1     | 0        | 1    | 1             | 0       |         |
| 84    | DE2097                                          | Đề án 5_QT DVDL&LHS                 | 0          | 1     | 0        | 1    | 1             | 0       |         |
| 4.2.2 | Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 6 tín chỉ) |                                     | 2          | 4     | 0        | 6    | 0             | 6       |         |
| 85    | DE2181                                          | Điều hành đại lý lữ hành            | 2,5        | 0,5   | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 86    | DE2182                                          | Quản trị du lịch MICE               | 2,5        | 0,5   | 0        | 3    | 3             | 0       |         |
| 87    | DE2041                                          | Chiến lược kinh doanh điện tử       | 2          | 0     | 0        | 2    | 2             | 0       |         |
| 88    | DE2098                                          | Quản trị chất lượng dịch vụ du lịch | 2          | 0     | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| 89    | DE2100                                          | Thiết kế website thương mại điện tử | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| 90    | DE2040                                          | Thanh toán quốc tế trong du lịch    | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 0             | 2       |         |
| 91    | DE2101                                          | Nghiệp vụ hướng dẫn du lịch         | 1,5        | 0,5   | 0        | 2    | 0             | 2       |         |

| STT                                                                   | Mã học phần                                            | Học phần                     | Số tín chỉ  |            |          |           | Loại học phần |           | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|------------------------------|-------------|------------|----------|-----------|---------------|-----------|---------|
|                                                                       |                                                        |                              | LT          | TH/BT      | Thực tập | Tổng      | Bắt buộc      | Tự chọn   |         |
| 92                                                                    | DE2183                                                 | Nghiệp vụ bán tour du lịch   | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2         |         |
| 93                                                                    | DE2102                                                 | Chuyên đề 2_Du lịch bền vững | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2         |         |
| <b>QUẢN TRỊ LOGISTICS VÀ CHUỖI CUNG ỨNG SỐ (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT)</b> |                                                        |                              | <b>27,5</b> | <b>8,5</b> | <b>0</b> | <b>36</b> | <b>26</b>     | <b>10</b> |         |
| <b>4.1</b>                                                            | <b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành</b>                    |                              | <b>13,5</b> | <b>2,5</b> | <b>0</b> | <b>16</b> | <b>12</b>     | <b>4</b>  |         |
| <b>4.1.1</b>                                                          | <b>Học phần bắt buộc</b>                               |                              | <b>10,5</b> | <b>1,5</b> | <b>0</b> | <b>12</b> | <b>12</b>     | <b>0</b>  |         |
| 94                                                                    | DE2066                                                 | Nhập môn E-logistics         | 3           | 0          | 0        | 3         | 3             | 0         |         |
| 95                                                                    | DE2023                                                 | Quản trị chuỗi cung ứng      | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0         |         |
| 96                                                                    | DE2065                                                 | Quản trị xuất nhập khẩu      | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0         |         |
| 97                                                                    | DE2176                                                 | Thanh toán quốc tế           | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0         |         |
| 98                                                                    | DE2072                                                 | Chuyên đề 1_Logistics        | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 2             | 0         |         |
| 99                                                                    | DE2069                                                 | Đề án 3_CN Logistics         | 0           | 1          | 0        | 1         | 1             | 0         |         |
| <b>4.1.2</b>                                                          | <b>Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 4 tín chỉ)</b> |                              | <b>3</b>    | <b>1</b>   | <b>0</b> | <b>4</b>  | <b>0</b>      | <b>4</b>  |         |
| 100                                                                   | DE2026                                                 | Thương mại điện tử           | 3           | 0          | 0        | 3         | 0             | 2         |         |
| 101                                                                   | DE2070                                                 | Quản trị dự án               | 2           | 0          | 0        | 2         | 0             | 2         |         |
| 102                                                                   | DE2067                                                 | Quản trị cơ sở dữ liệu       | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2         |         |

| STT          | Mã học phần                                            | Học phần                                | Số tín chỉ |          |          |           | Loại học phần |          | Ghi chú |
|--------------|--------------------------------------------------------|-----------------------------------------|------------|----------|----------|-----------|---------------|----------|---------|
|              |                                                        |                                         | LT         | TH/BT    | Thực tập | Tổng      | Bắt buộc      | Tự chọn  |         |
| 103          | DE2022                                                 | Phương pháp NKCH trong kinh doanh       | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| <b>4.2</b>   | <b>Kiến thức chuyên ngành</b>                          |                                         | <b>14</b>  | <b>6</b> | <b>0</b> | <b>20</b> | <b>14</b>     | <b>6</b> |         |
| <b>4.2.1</b> | <b>Học phần bắt buộc</b>                               |                                         | <b>9</b>   | <b>5</b> | <b>0</b> | <b>14</b> | <b>14</b>     | <b>0</b> |         |
| 104          | DE2068                                                 | Thực hành mô phỏng trong Logistics      | 0          | 2        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 105          | DE2077                                                 | Khai phá và lưu trữ dữ liệu Logistics   | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 106          | DE2080                                                 | Quản trị vận hành và nhà máy thông minh | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 107          | DE2074                                                 | Tổ chức vận tải đa phương thức          | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 108          | DE2071                                                 | Thu mua điện tử                         | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 109          | DE2177                                                 | Điều phối Logistics                     | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 110          | DE2078                                                 | Đề án 4_CN Logistics                    | 0          | 1        | 0        | 1         | 1             | 0        |         |
| 111          | DE2079                                                 | Đề án 5_CN Logistics                    | 0          | 1        | 0        | 1         | 1             | 0        |         |
| <b>4.2.2</b> | <b>Học phần tự chọn (lựa chọn tối thiểu 6 tín chỉ)</b> |                                         | <b>5</b>   | <b>1</b> | <b>0</b> | <b>6</b>  | <b>0</b>      | <b>6</b> |         |
| 112          | DE2041                                                 | Chiến lược kinh doanh điện tử           | 2          | 0        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 113          | DE2037                                                 | Hoạch định nguồn lực doanh nghiệp       | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 114          | DE2082                                                 | Chuyên đề 2_Logistics                   | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 0             | 2        |         |

| STT                                                              | Mã học phần                         | Học phần                                         | Số tín chỉ  |            |          |           | Loại học phần |          | Ghi chú |
|------------------------------------------------------------------|-------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|------------|----------|-----------|---------------|----------|---------|
|                                                                  |                                     |                                                  | LT          | TH/BT      | Thực tập | Tổng      | Bắt buộc      | Tự chọn  |         |
| 115                                                              | DE2073                              | Quản trị kho hàng                                | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| <b>QUẢN TRỊ DỰ ÁN CÔNG NGHỆ THÔNG TIN (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT)</b> |                                     |                                                  | <b>27,5</b> | <b>8,5</b> | <b>0</b> | <b>36</b> | <b>30</b>     | <b>6</b> |         |
| <b>4.1</b>                                                       | <b>Kiến thức cơ sở chuyên ngành</b> |                                                  | <b>12,5</b> | <b>3,5</b> | <b>0</b> | <b>16</b> | <b>16</b>     | <b>0</b> |         |
| <b>4.1.1</b>                                                     | <b>Học phần bắt buộc</b>            |                                                  | <b>9,5</b>  | <b>2,5</b> | <b>0</b> | <b>12</b> | <b>10</b>     | <b>0</b> |         |
| 116                                                              | DE2018                              | Nhập môn quản lý dự án                           | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 117                                                              | DE2129                              | Mô hình phát triển dự án                         | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 118                                                              | DE2126                              | Lập dự án đầu tư                                 | 2,5         | 0,5        | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 119                                                              | DE2131                              | Thiết kế website                                 | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 120                                                              | DE2019                              | Cơ sở lập trình                                  | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 121                                                              | DE2130                              | Đề án 3_QT DA CNTT                               | 0           | 1          | 0        | 1         | 1             | 0        |         |
| <b>4.1.2</b>                                                     | <b>Học phần tự chọn(4 TC)</b>       |                                                  | <b>3</b>    | <b>1</b>   | <b>0</b> | <b>4</b>  | <b>0</b>      | <b>4</b> |         |
| 122                                                              | DE2022                              | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 123                                                              | DE2052                              | Thương mại điện tử                               | 3           | 0          | 0        | 3         | 0             | 2        |         |
| 124                                                              | DE2133                              | Mạng máy tính                                    | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 125                                                              | DE2142                              | Công nghệ website                                | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |

| STT          | Mã học phần                   | Học phần                             | Số tín chỉ |          |          |           | Loại học phần |          | Ghi chú |
|--------------|-------------------------------|--------------------------------------|------------|----------|----------|-----------|---------------|----------|---------|
|              |                               |                                      | LT         | TH/BT    | Thực tập | Tổng      | Bắt buộc      | Tự chọn  |         |
| 126          | CS2002                        | Cơ sở dữ liệu                        | 3          | 0        | 0        | 3         | 0             | 3        |         |
| <b>4,2</b>   | <b>Kiến thức chuyên ngành</b> |                                      | <b>15</b>  | <b>5</b> | <b>0</b> | <b>20</b> | <b>14</b>     | <b>6</b> |         |
| <b>4.2.1</b> | <b>Học phần bắt buộc</b>      |                                      | <b>10</b>  | <b>4</b> | <b>0</b> | <b>14</b> | <b>14</b>     | <b>0</b> |         |
| 127          | DE2139                        | Quản lý rủi ro dự án                 | 2,5        | 0,5      | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 128          | DE2138                        | Quản lý chất lượng dự án             | 2,5        | 0,5      | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 129          | DE2137                        | Quản trị đấu thầu dự án              | 2,5        | 0,5      | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 130          | DE2136                        | Quản lý dự án Công nghệ thông tin    | 2,5        | 0,5      | 0        | 3         | 3             | 0        |         |
| 131          | DE2140                        | Đề án 4_QT DA CNTT                   | 0          | 1        | 0        | 1         | 1             | 0        |         |
| 132          | DE2141                        | Đề án 5_QT DA CNTT                   | 0          | 1        | 0        | 1         | 1             | 0        |         |
| <b>4.2</b>   | <b>Học phần tự chọn(6 TC)</b> |                                      | <b>5</b>   | <b>1</b> | <b>0</b> | <b>6</b>  | <b>0</b>      | <b>6</b> |         |
| 133          | DE2127                        | Quản lý truyền thông dự án           | 2          | 0        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 134          | DE2135                        | Quản lý hợp đồng                     | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 135          | DE2174                        | Quản lý dự án bằng Microsoft Project | 2,5        | 0,5      | 0        | 3         | 0             | 3        |         |
| 136          | DE2175                        | Phân tích báo cáo tài chính dự án    | 3          | 0        | 0        | 3         | 0             | 3        |         |
| 137          | NIS2002                       | An toàn và bảo mật thông tin         | 2          | 0        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |

| STT                                                 | Mã học phần                              | Học phần                                         | Số tín chỉ  |            |          |           | Loại học phần |           | Ghi chú |
|-----------------------------------------------------|------------------------------------------|--------------------------------------------------|-------------|------------|----------|-----------|---------------|-----------|---------|
|                                                     |                                          |                                                  | LT          | TH/BT      | Thực tập | Tổng      | Bắt buộc      | Tự chọn   |         |
| 138                                                 | DE2134                                   | Chuyên đề 1_QT DA CNTT                           | 2           | 0          | 0        | 2         | 0             | 2         |         |
| 139                                                 | DE2143                                   | Chuyên đề 2-QT DA CNTT                           | 2           | 0          | 0        | 2         | 0             | 2         |         |
| <b>QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH SỐ (VÀ SONG NGỮ ANH-VIỆT)</b> |                                          |                                                  | <b>29,5</b> | <b>6,5</b> | <b>0</b> | <b>36</b> | <b>24</b>     | <b>12</b> |         |
| <b>4.1</b>                                          | <b>Khối kiến thức cơ sở chuyên ngành</b> |                                                  | <b>13,5</b> | <b>2,5</b> | <b>0</b> | <b>16</b> | <b>10</b>     | <b>6</b>  |         |
| <b>4.1.1</b>                                        | <b>Học phần bắt buộc</b>                 |                                                  | <b>10</b>   | <b>2</b>   | <b>0</b> | <b>12</b> | <b>10</b>     | <b>2</b>  |         |
| 140                                                 | DE2103                                   | Nhập môn Tài chính số                            | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0         |         |
| 141                                                 | DE2104                                   | Phân tích báo cáo tài chính                      | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0         |         |
| 142                                                 | DE2105                                   | Cơ sở dữ liệu tài chính                          | 2           | 0          | 0        | 2         | 2             | 0         |         |
| 143                                                 | DE2106                                   | Kế toán quản trị                                 | 2           | 1          | 0        | 3         | 3             | 0         |         |
| 144                                                 | DE2109                                   | Lập trình Python                                 | 2           | 0          | 0        | 2         | 0             | 2         |         |
| 145                                                 | DE2107                                   | Đề án 3-Phân tích báo cáo và dữ liệu tài chính   | 0           | 1          | 0        | 1         | 1             | 0         |         |
| <b>4.1.2</b>                                        | <b>Học phần tự chọn(4 TC)</b>            |                                                  | <b>3,5</b>  | <b>0,5</b> | <b>0</b> | <b>4</b>  | <b>0</b>      | <b>4</b>  |         |
| 146                                                 | DE2110                                   | Kế toán tài chính doanh nghiệp                   | 2           | 0          | 0        | 2         | 0             | 2         |         |
| 147                                                 | DE2022                                   | Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh | 1,5         | 0,5        | 0        | 2         | 0             | 2         |         |
| 148                                                 | DE2108                                   | Phân tích hoạt động kinh doanh                   | 2           | 0          | 0        | 2         | 0             | 2         |         |

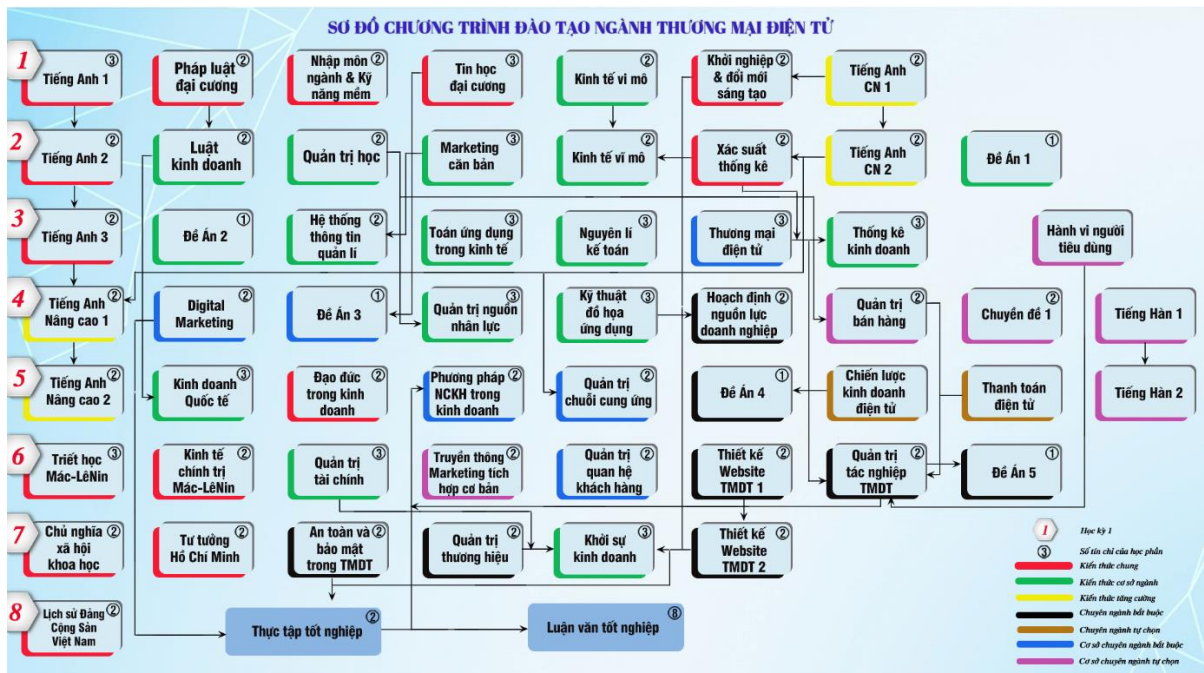
| STT          | Mã học phần                   | Học phần                                          | Số tín chỉ |          |          |           | Loại học phần |          | Ghi chú |
|--------------|-------------------------------|---------------------------------------------------|------------|----------|----------|-----------|---------------|----------|---------|
|              |                               |                                                   | LT         | TH/BT    | Thực tập | Tổng      | Bắt buộc      | Tự chọn  |         |
| 149          | DE2111                        | Kiểm toán căn bản                                 | 2          | 0        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 150          | DE2112                        | Chuyên đề 1_Tiền số và công nghệ blockchain       | 2          | 0        | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| <b>4.2</b>   | <b>Kiến thức chuyên ngành</b> |                                                   | <b>16</b>  | <b>4</b> | <b>0</b> | <b>20</b> | <b>14</b>     | <b>6</b> |         |
| <b>4.2.1</b> | <b>Học phần bắt buộc</b>      |                                                   | <b>11</b>  | <b>3</b> | <b>0</b> | <b>14</b> | <b>14</b>     | <b>0</b> |         |
| 151          | DE2113                        | Đầu tư tài chính                                  | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 152          | DE2114                        | Quản trị tài chính cá nhân ứng dụng               | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 153          | DE2115                        | Quản trị rủi ro tài chính                         | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 154          | DE2122                        | Phát triển ứng dụng tài chính trên Python         | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 155          | DE2117                        | Phân tích dữ liệu lớn trong tài chính             | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 156          | DE2118                        | Ngân hàng số và thanh toán điện tử                | 2          | 0        | 0        | 2         | 2             | 0        |         |
| 157          | DE2119                        | Đề án 4_Phân tích kỹ thuật trong đầu tư tài chính | 0          | 1        | 0        | 1         | 1             | 0        |         |
| 158          | DE2120                        | Đề án 5_Dữ liệu lớn trong tài chính               | 0          | 1        | 0        | 1         | 1             | 0        |         |
| <b>4.2.2</b> | <b>Học phần tự chọn(6 TC)</b> |                                                   | <b>5</b>   | <b>1</b> | <b>0</b> | <b>6</b>  | <b>0</b>      | <b>6</b> |         |
| 159          | DE2121                        | Ứng dụng phần mềm tài chính                       | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 0             | 2        |         |
| 160          | DE2123                        | An toàn bảo mật thông tin tài chính               | 1,5        | 0,5      | 0        | 2         | 0             | 2        |         |

| STT      | Mã học phần                             | Học phần                                     | Số tín chỉ |          |          |            | Loại học phần |           | Ghi chú |
|----------|-----------------------------------------|----------------------------------------------|------------|----------|----------|------------|---------------|-----------|---------|
|          |                                         |                                              | LT         | TH/BT    | Thực tập | Tổng       | Bắt buộc      | Tự chọn   |         |
| 161      | DE2052                                  | Thương mại điện tử cơ bản                    | 2          | 0        | 0        | 2          | 0             | 2         |         |
| 162      | DE2124                                  | Quản trị tài chính quốc tế                   | 2          | 0        | 0        | 2          | 0             | 2         |         |
| 163      | DE2125                                  | Chuyên đề 2_Đổi mới sáng tạo trong tài chính | 2          | 0        | 0        | 2          | 0             | 2         |         |
| <b>V</b> | <b>THỰC TẬP VÀ KHÓA LUẬN TỐT NGHIỆP</b> |                                              | <b>0</b>   | <b>8</b> | <b>2</b> | <b>10</b>  | <b>10</b>     | <b>0</b>  |         |
| 164      | DE3001                                  | Thực tập tốt nghiệp                          | 0          | 0        | 2        | 2          | 2             | 0         |         |
| 165      | DE3002                                  | Khóa luận tốt nghiệp                         | 0          | 8        | 0        | 8          | 8             | 0         |         |
|          |                                         | <b>Tổng cộng</b>                             |            |          |          | <b>125</b> | <b>106</b>    | <b>19</b> |         |

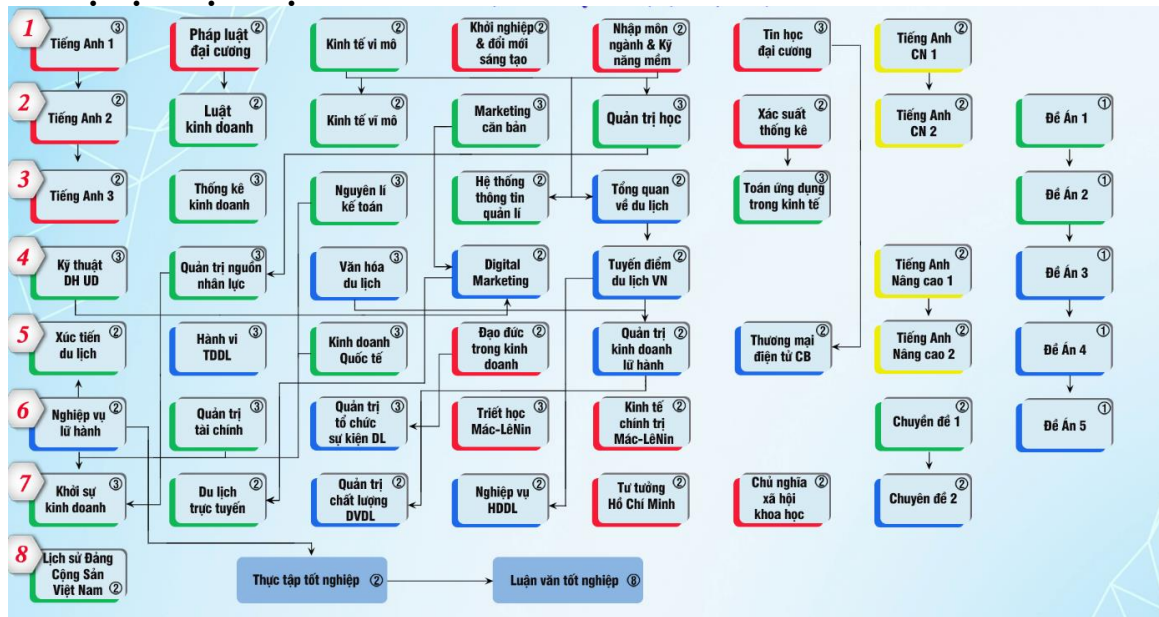
*(Tổng tín chỉ toàn khóa: 125 tín chỉ không bao gồm tín chỉ GDTC, GDQP-AN)*

### III. Cây chương trình đào tạo

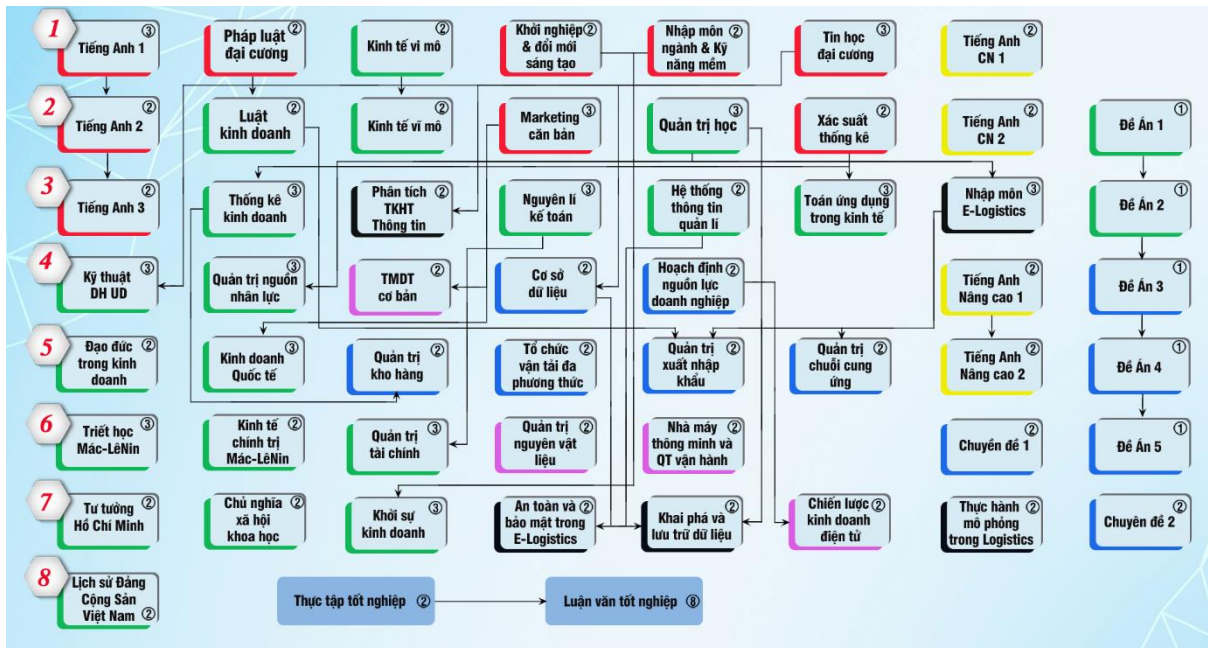
#### \* Quản trị Thương Mại điện tử



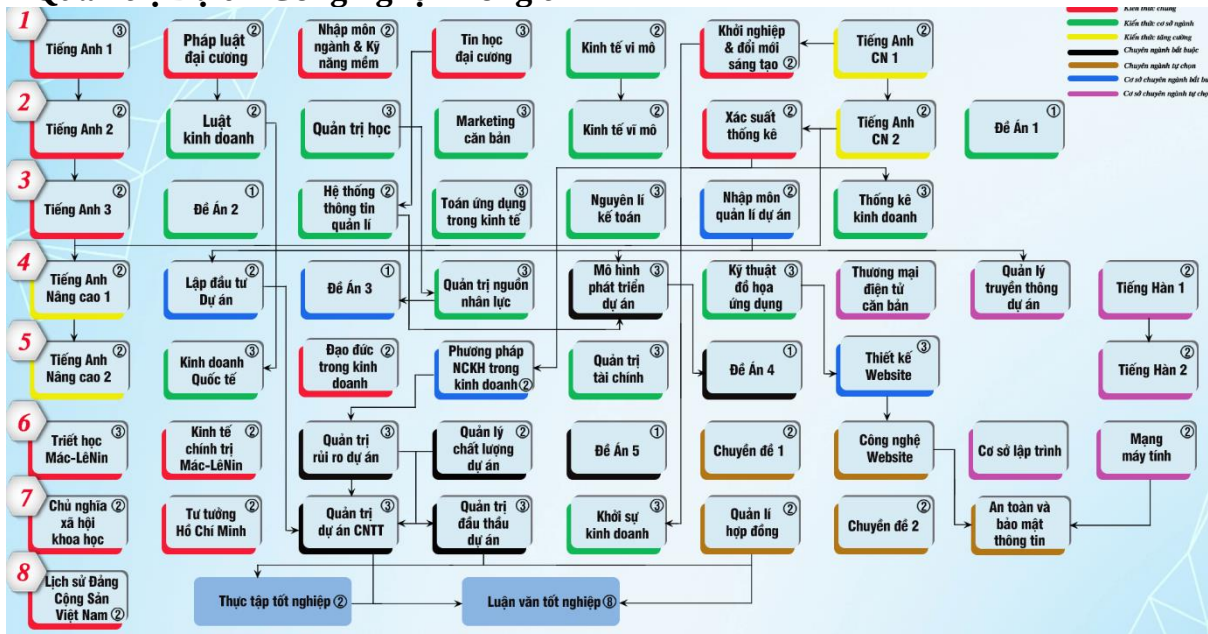
#### \* Quản trị Dịch vụ du lịch và lữ hành số



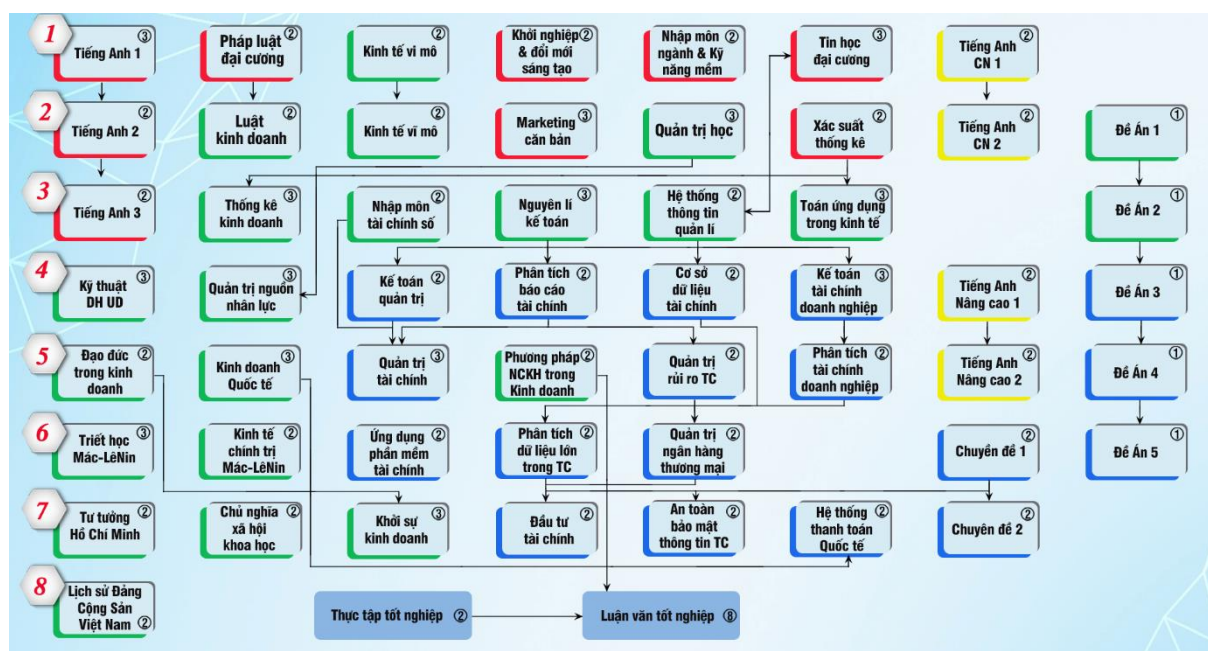
#### \* Quản trị Logistics và Chuỗi cung ứng số



### \* Quản trị Dự án Công nghệ Thông tin



### \* Quản trị Tài chính số



1

Học kỳ 1

3

Số tín chỉ của học phần

Kiến thức chung

Kiến thức cơ sở ngành

Kiến thức tăng cường

Chuyên ngành bắt buộc

Chuyên ngành tự chọn

Cơ sở chuyên ngành bắt buộc

Cơ sở chuyên ngành tự chọn

